

Số: 07 /2010/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định Bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 913/TTr-TNMT ngày 30 tháng 12 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 14/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp;
- Tòa án Nhân dân tỉnh, Viện KSND tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai;
- Đài PTTH Đồng Nai;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công Báo;
- Lưu VT, TH, các phòng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Áo Văn Thịnh**

## QUY ĐỊNH

Về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 67 /2010/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, gọi chung là hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Tài nguyên nước được đề cập trong bản Quy định này bao gồm các nguồn nước mặt, nước mưa, nước dưới đất (trừ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Nguồn nước" chỉ các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác, sử dụng được, bao gồm sông, suối, kênh, rạch; biển, hồ, đầm, ao; các tầng chứa nước dưới đất; mưa và các dạng tích tụ nước khác.

2. "Nước mặt" là nước tồn tại trên mặt đất liền hoặc hải đảo.

3. "Nước dưới đất" là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới mặt đất.

4. "Nước sinh hoạt" là nước dùng cho ăn uống, vệ sinh của con người.

5. "Nước thải" là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

6. "Bảo vệ tài nguyên nước" là biện pháp phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, bảo đảm an toàn nguồn nước và bảo vệ khả năng phát triển tài nguyên nước.

7. "Ô nhiễm nguồn nước" là sự thay đổi tính chất vật lý, tính chất hoá học, thành phần sinh học của nước vi phạm tiêu chuẩn cho phép.

8. "Suy thoái, cạn kiệt nguồn nước" là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của nguồn nước.

9. "Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực khai thác nước" là vùng phụ cận khu vực lấy nước từ nguồn nước được quy định phải bảo vệ để phòng, chống ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

10. "Công trình thủy lợi" là công trình khai thác mặt lợi của nước; phòng, chống tác hại do nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái

11. "Thăm dò nước dưới đất" là sử dụng tổ hợp các phương pháp khảo sát địa chất để đánh giá, xác định trữ lượng, chất lượng nước dưới đất và dự báo tác động môi trường do khai thác nước gây ra trên một diện tích nhất định để phục vụ thiết kế công trình khai thác nước theo lưu lượng đặt ra.

12. "Thăm dò kết hợp khai thác nước dưới đất" là thăm dò nước dưới đất mà trong quá trình thi công thăm dò, một hoặc một số lỗ khoan được kết cấu thành giếng khai thác và được sử dụng làm giếng khai thác.

13. "Lưu lượng của một công trình khai thác nước dưới đất" là tổng lưu lượng của các giếng khoan, giếng đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc công trình đó.

14. "Các đơn vị cung cấp nước" là các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoặc cá nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động chuyên ngành cung cấp nước hợp vệ sinh.

15. "Nước phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình" là nước phục vụ ăn uống, sinh hoạt trong hộ gia đình.

#### **Điều 4. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực khai thác nước**

##### **1. Đối với nước dưới đất**

Chủ công trình khai thác nước dưới đất phải xác định vùng bảo hộ vệ sinh của từng giếng, từng điểm lộ khai thác nước (sau đây gọi chung là giếng) như sau:

a) Đối với công trình khai thác thuộc diện không phải xin phép theo quy định vùng bảo hộ vệ sinh kể từ miệng giếng không nhỏ hơn:

- 5m, đối với khu vực đô thị;
- 10m, đối với khu dân cư nông thôn ở vùng đồng bằng;
- 20m, đối với các trường hợp không quy định tại hai mục trên.

Trong các vùng này không được bố trí chuồng trại chăn nuôi gia súc, nhà vệ sinh, bãi thải, kho, bãi chứa hóa chất và các nguồn gây ô nhiễm khác.

b) Đối với công trình khai thác thuộc diện phải xin phép phải thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh bao gồm 2 khu, cụ thể như sau:

- Khu I là phạm vi xung quanh giếng, cần được bảo vệ nghiêm ngặt, cấm tất cả các hoạt động phát sinh ra nguồn gây ô nhiễm. Ranh giới, phạm vi khu I không nhỏ hơn 30m, kể từ miệng giếng;

- Khu II là khu vực liền kề với khu I, cần phải hạn chế các hoạt động phát sinh nguồn gây ô nhiễm, phá hủy lớp phủ bảo vệ tầng chứa nước. Ranh giới, phạm vi khu II được xác định cụ thể theo điều kiện địa chất thủy văn, lưu lượng khai thác, sơ đồ bố trí công trình khai thác nước và mức độ tự bảo vệ của tầng chứa nước khai thác.

c) Trường hợp vùng bảo hộ vệ sinh với công trình khai thác nước dưới đất có diện tích đất không thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ công trình khai thác, thì phải có văn bản thỏa thuận với chủ sử dụng đất đó trước khi thi công;

d) Vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước dưới đất quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này được xác định sơ bộ trong quá trình lập hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò nước dưới đất và được điều chỉnh, xác định cụ thể khi lập hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác nước dưới đất;

đ) Đối với các công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động nhưng chưa lập vùng bảo hộ vệ sinh và điều kiện mặt bằng hiện tại không thể thiết lập được vùng bảo hộ vệ sinh, thì không được gia tăng các hoạt động phát sinh thêm nguồn gây ô nhiễm khu vực xung quanh công trình khai thác.

## 2. Đối với nước mặt

a) Nước mặt là sông, suối

- Tính từ điểm lấy nước (công trình thu nước) lên thượng nguồn  $\geq 200$  mét.

- Tính từ điểm lấy nước (công trình thu nước) xuống hạ nguồn  $\geq 100$  mét.

b) Nước mặt là hồ chứa, đập nước

- Tính từ điểm lấy nước (công trình thu nước) ra hai phía  $\geq 300$ m.

c) Trong khu vực bảo vệ nguồn nước mặt, nghiêm cấm những hành vi sau:

- Xây dựng bất cứ công trình nào trên bờ, trên mặt nước, dưới mặt nước (trừ các công trình phục vụ cho việc bơm nguồn nước mặt), làm ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước.

- Xả nước thải vào nguồn nước sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, ao khi chưa xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường quy định.

## **Chương II** **CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**Điều 5. Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất**

Việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Cấp phép phải đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

2. Phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

3. Ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cung cấp nước sinh hoạt;

4. Hạn chế việc khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất để tránh sự cạn kiệt nguồn nước dưới đất nhằm đảm bảo việc khai thác tài nguyên nước hợp lý, bền vững và ổn định lâu dài. Không cấp mới hoặc gia hạn các loại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất:

- Tại các khu vực đã có hệ thống cung cấp nước máy ổn định, đảm bảo cung cấp đầy đủ các nhu cầu sử dụng nước cho các tổ chức, cá nhân.

- Khu vực thăm dò, khai thác của các tổ chức, cá nhân nằm cách đường ống cấp nước trong phạm vi bán kính nhỏ hơn hoặc bằng 200m (hai trăm mét).

5. Đối với khu vực chưa có hệ thống cung cấp nước máy hoặc có hệ thống cung cấp nước máy nhưng chưa ổn định (áp lực yếu hoặc hệ thống chưa hoàn thiện); các khu vực có đường ống cấp nước ngoài phạm vi bán kính 200m; các khu vực đã có đường ống cấp nước máy đi qua nhưng chưa cấp được nước vì lý do bồi thường, giải phóng mặt bằng, khoan qua đường Quốc lộ, Tỉnh lộ, khi các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất: giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xem xét, tham mưu trình UBND tỉnh quyết định.

6. Việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước phải trên cơ sở đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước theo Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

**Điều 6. Nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất**

1. Không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước khi thực hiện việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

2. Khai thác nước dưới đất trong một vùng không được vượt quá trữ lượng nước khai thác của vùng đó; khi nước dưới đất tại vùng khai thác đã đạt tới mức khai thác cho phép thì không được mở rộng quy mô khai thác nếu chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nhân tạo;

3. Việc xả nước thải vào nguồn nước phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành về phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải.

4. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất ở quy mô nào thì được phép hành nghề ở quy mô đó và các quy mô nhỏ hơn.

5. Tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất đều phải lập thủ tục cấp giấy phép, trừ các trường hợp quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

### **Điều 7. Các trường hợp không phải xin phép**

#### 1. Đối với nước dưới đất

Khai thác, sử dụng nước dưới đất để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và khám chữa bệnh, cơ sở tôn giáo, không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô nhỏ hơn  $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

#### 2. Đối với nước mặt

a) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với quy mô nhỏ hơn  $0,01\text{m}^3/\text{s}$ ;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không có chuyển đổi dòng chảy với công suất lắp máy nhỏ hơn 25 KW;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và khám chữa bệnh, cơ sở tôn giáo, không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô nhỏ hơn  $25\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi đất được giao, được thuê phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, hải sản, sản xuất muối, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học được áp dụng trong trường hợp khai thác, sử dụng nước từ các ao, hồ tự nhiên được hình thành từ mưa trong phạm vi đất được giao, được thuê hoặc được quyền sử dụng hợp lệ theo quy định của pháp luật về đất đai.

#### 3. Đối với xả nước thải vào nguồn nước

Xả nước thải vào nguồn nước với quy mô nhỏ hơn  $4\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động không nhằm mục đích kinh doanh.

### **Điều 8. Các trường hợp không phải xin phép nhưng phải đăng ký tại UBND cấp huyện**

#### 1. Đối với nước dưới đất:

Khai thác, sử dụng nước dưới đất để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và khám chữa bệnh, cơ sở tôn giáo, không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô từ  $5-10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

#### 2. Đối với nước mặt

a) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với quy mô từ  $0,01 \text{ m}^3/\text{s} - 0,02\text{m}^3/\text{s}$ ;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không có chuyển đổi dòng chảy với công suất lắp máy từ 25 KW - 50 KW;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện, sinh hoạt trong các cơ quan Nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và khám chữa bệnh, cơ sở tôn giáo, không nhằm mục đích kinh doanh với quy mô từ  $25-50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .

### 3. Đối với xả nước thải vào nguồn nước

Xả nước thải vào nguồn nước với quy mô từ  $4-8\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động không nhằm mục đích kinh doanh.

### **Điều 9. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước**

1. UBND xã, phường, thị trấn phát phiếu đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo phụ lục 1 đến các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước để điền vào phiếu đăng ký và phô tô làm 3 bản.

2. Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ ngày nhận phiếu đăng ký, UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xác nhận vào phiếu đăng ký của các tổ chức và cá nhân và lưu giữ 01 bản tại UBND xã, phường, thị trấn để báo cáo định kỳ theo quy định.

3. Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận phiếu đăng ký, UBND cấp huyện có trách nhiệm chứng nhận vào phiếu đăng ký việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước cho các tổ chức và cá nhân và lưu giữ 01 bản tại UBND cấp huyện.

### **Điều 10. Thẩm quyền cấp phép hoạt động tài nguyên nước**

Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau đây:

1. Thăm dò, khai thác nước dưới đất các công trình có lưu lượng khai thác dưới  $3000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

2. Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp có lưu lượng dưới  $2\text{m}^3/\text{giờ}$ ;

3. Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 2000 KW;

4. Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ cho các mục đích khác (cấp nước đô thị, công nghiệp, dịch vụ) với lưu lượng dưới  $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;

5. Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới  $5000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .



6. Hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa và nhỏ. Cụ thể:

a) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách dưới 110mm và thuộc công trình có lưu lượng dưới 200m<sup>3</sup>/ngày đêm;

b) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách dưới 250mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

7. Đối với các trường hợp cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất vượt quá quy mô quy định tại Điều 10 thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 11. Thời hạn, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động tài nguyên nước**

Thời hạn, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động tài nguyên nước được thực hiện theo Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất và các quy định khác có liên quan.

**Điều 12. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước**

1. Về hồ sơ đề nghị cấp phép: Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 10 Quy định này và theo quy định tại Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ, Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Về trình tự, thủ tục đề nghị cấp phép: Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ, Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các mẫu hồ sơ liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại phụ lục Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 13. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất**

1. Về hồ sơ đề nghị cấp phép: Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 6, Điều 10 Quy định này và theo quy định tại Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

2. Về trình tự, thủ tục đề nghị cấp phép: Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất và mẫu hồ sơ cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

**Điều 14. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định ghi trong giấy phép**

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm về việc thực hiện các quy định ghi trong giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất. Về trình tự, thủ tục và nội dung kiểm tra sau cấp giấy phép, bao gồm:

1. Về trình tự, thủ tục kiểm tra

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan thống nhất kế hoạch kiểm tra.

b) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra;

c) Thông báo cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra biết trước 03 ngày về kế hoạch làm việc của Đoàn kiểm tra;

d) Tiến hành kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra

a) Đối với giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

- Địa điểm thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Kiểm tra thực tế về số lượng, chất lượng nước, quy mô thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Thiết bị đo mực nước, lưu lượng khai thác, xả thải; sổ sách ghi chép tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

- Các nội dung khác ghi trong giấy phép.

- Nghĩa vụ thuế tài nguyên nước đối với Nhà nước.

b) Đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

- Trang thiết bị sử dụng trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất;
- Năng lực chuyên môn kỹ thuật của cán bộ, công nhân viên của tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất phù hợp với quy mô hành nghề;
- Việc thực hiện các nội dung ghi trong giấy phép.
- Nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

3. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại phụ lục 2 kèm theo Quy định này và phải được người đại diện của cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, tổ chức hoặc cá nhân được kiểm tra và đại diện cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường cùng ký. Nếu không ký thì ghi rõ lý do vào biên bản.

4. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan để xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị UBND tỉnh xử lý.

#### **Điều 15. Việc giữ lại giếng làm dự phòng và niêm phong giếng**

1. Để đề phòng khi có sự cố về nguồn nước cấp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho phép các tổ chức, cá nhân thuộc khu vực đã có hệ thống cung cấp nước máy được giữ lại giếng khoan, đào (trong trường hợp đã có giếng khoan, đào từ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành) để làm dự phòng (không khai thác, sử dụng). Việc khai thác, sử dụng chỉ được thực hiện khi có sự cố về mất nguồn nước cấp và được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về trình tự, thủ tục niêm phong và mở giếng khai thác nước dưới đất trên cơ sở thống nhất các Sở, ngành, UBND cấp huyện.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo các quy định của pháp luật hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Tổ chức thẩm định các đề án, dự án về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, chuyển nước giữa các lưu vực sông thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

d) Tổ chức thực hiện việc xác định ngưỡng giới hạn khai thác nước đối với các sông, các tầng chứa nước, các khu vực dự trữ nước, các khu vực hạn chế khai thác nước; kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước trên địa bàn;

đ) Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, giấy phép hoạt động của công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng ở địa phương theo thẩm quyền; thực hiện việc thu phí, lệ phí về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra các hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản, kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; tổ chức quản lý, khai thác các công trình quan trắc tài nguyên nước do địa phương đầu tư xây dựng;

g) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

h) Hướng dẫn, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật;

i) Tham gia tổ chức phối hợp liên ngành của Trung ương, thường trực tổ chức phối hợp liên ngành của địa phương về quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông.

k) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng; tham gia xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn;

l) Chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ở Trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình khí tượng, thủy văn của Trung ương trên địa bàn;

m) Tổng hợp và báo cáo tình hình, tác động của biến đổi khí hậu đối với các yếu tố tự nhiên, con người và kinh tế - xã hội ở địa phương; phối hợp với các ngành có liên quan đề xuất và kiến nghị các biện pháp ứng phó thích hợp.

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Đồng Nai có trách nhiệm cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan theo định kỳ hàng tháng:

a) Tư liệu khí tượng thủy văn trong tỉnh và các bản tin dự báo khí tượng thủy văn.

b) Thông tin khí tượng thủy văn cần thiết phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về khí tượng thủy văn, bao gồm: Danh mục và vị trí các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng, danh mục các tài liệu khí tượng thủy văn hiện có; danh mục các yếu tố khí tượng thủy văn được quan trắc; những điều kiện khí tượng thủy văn chủ yếu trong tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho việc nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, cấp nước sinh hoạt nông thôn.

b) Tổ chức triển khai thực hiện việc cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp cho các tổ chức và cá nhân theo đúng Quyết định số 56/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

4. Sở Công thương có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ thủy điện, thương mại, sản xuất công nghiệp; xây dựng quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, phương án bảo đảm an toàn công trình thủy công của công trình thủy điện, khai thác tổng hợp nguồn nước trình UBND tỉnh quyết định.

5. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung.

6. Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch mạng lưới giao thông thủy và xây dựng các công trình giao thông thủy.

7. Sở Y tế phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ, xử lý, vệ sinh nguồn nước phục vụ ăn uống, sinh hoạt.

8. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường đưa vào chương trình giáo dục, đào tạo học sinh nội dung có liên quan đến bảo vệ tài nguyên nước để triển khai trên địa bàn tỉnh.

10. Công an tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác tài nguyên nước phục vụ cho an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành.

11. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai, chuyển giao ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

12. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kế hoạch đầu tư kinh phí cho các dự án về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trình UBND tỉnh quyết định.

13. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các chính sách về thuế tài nguyên nước, phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước, trình UBND tỉnh quyết định.

14. Ban Quản lý các khu công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động tài nguyên nước đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

16. Các đơn vị cung cấp nước phải bảo đảm nguồn nước cung cấp liên tục, đầy đủ và đúng tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh do Nhà nước quy định cho nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân. Nếu có sự cố dẫn đến cung cấp nước không đảm bảo về số lượng, áp lực nước, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định thì doanh nghiệp cấp nước phải khắc phục kịp thời, đồng thời bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân (nếu có) theo quy định của pháp luật.

### **Điều 17. Trách nhiệm của UBND và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện**

#### **1. Đối với UBND cấp huyện:**

a) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương;

c) Thường xuyên thanh, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn.

#### **2. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện:**

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện về bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn;

c) Tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước tại địa phương theo Quy định này.

d) Điều tra, thống kê, tổng hợp và phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng cấp huyện, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch và thường xuyên thanh, kiểm tra, tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước, công trình khí tượng thủy văn theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện, kịp thời phát hiện và tham mưu UBND cấp huyện xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về tài nguyên nước.

g) Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực tài nguyên nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

k) Tham mưu UBND cấp huyện xây dựng và tiến hành thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

### **Điều 18. Trách nhiệm của UBND cấp xã và công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã**

#### **1. Đối với UBND cấp xã:**

a) Chịu trách nhiệm trước UBND cấp trên trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện việc đăng ký và kiểm tra các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### **2. Đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã:**

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện thống kê, theo dõi, giám sát tình hình khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; tham gia công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra trên địa bàn.

c) Tham gia hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phát hiện các trường hợp vi

phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Báo cáo công tác về lĩnh vực tài nguyên nước và thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

## **Chương IV** **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** **HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

### **Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước**

Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17, 18 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, Điều 4 của Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất, Điều 17 của Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định Bảo vệ tài nguyên nước dưới đất, Quy định này và các quy định khác có liên quan.

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất có nghĩa vụ lắp đặt thiết bị, thực hiện quan trắc lưu lượng, mực nước, chất lượng nước và mở sổ ghi chép theo đúng quy định. Thiết bị đo phải được kiểm định theo quy định. Chế độ quan trắc cụ thể như sau:

a) Quan trắc mực nước ít nhất 6 (sáu) ngày một lần đối với các tháng mùa mưa và 3 (ba) ngày một lần đối với các tháng mùa khô; thực hiện đồng thời tại tất cả các giếng khai thác, giếng quan trắc (nếu có) vào cùng một thời điểm cố định.

b) Quan trắc lưu lượng phải xác định được lưu lượng nước khai thác thực tế của từng giếng và của cả công trình trong ngày (24 giờ);

c) Lấy mẫu phân tích chất lượng nước được thực hiện đối với từng giếng khai thác, giếng quan trắc (nếu có) vào cùng một thời điểm cố định; số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích và chế độ lấy mẫu được xác định cho từng trường hợp cụ thể tùy theo mục đích sử dụng, điều kiện vệ sinh môi trường, chất lượng nguồn nước và quy mô công trình khai thác nước, nhưng tối thiểu mỗi giếng được lấy 1 (một) mẫu vào giữa mùa khô và 1 (một) mẫu vào giữa mùa mưa. Số lượng mẫu và chỉ tiêu phân tích được thể hiện trong đề án khai thác nước dưới đất.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt có nghĩa vụ lắp đặt thiết bị, thực hiện quan trắc lưu lượng, chất lượng nước và mở sổ ghi



chép theo đúng quy định. Thiết bị đo phải được kiểm định theo quy định. Chế độ quan trắc cụ thể như sau:

a) Quan trắc lưu lượng phải xác định được lưu lượng nước khai thác thực tế của từng công trình và cả công trình trong ngày (24 giờ);

b) Lấy mẫu phân tích chất lượng nước được thực hiện đối với từng công trình và cả công trình vào cùng một thời điểm cố định; số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích và chế độ lấy mẫu được xác định cho từng trường hợp cụ thể tùy theo mục đích sử dụng, điều kiện vệ sinh môi trường, chất lượng nguồn nước và quy mô công trình khai thác nước, nhưng tối thiểu mỗi công trình được lấy 1 (một) mẫu vào giữa mùa khô và 1 (một) mẫu vào giữa mùa mưa. Số lượng mẫu và chỉ tiêu phân tích được thể hiện trong đề án khai thác nước mặt.

3. Tổ chức, cá nhân xả nước thải vào nguồn nước có nghĩa vụ:

a) Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước xả thải và mở sổ ghi chép theo đúng quy định. Thiết bị đo phải được kiểm định theo quy định.

b) Đối với nguồn thải lớn (có lưu lượng xả thải từ  $100\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm trở lên) phải lắp đặt thiết bị quan trắc một số thông số cơ bản.

c) Kiểm tra chất lượng, thành phần nước thải trước và sau khi xử lý 3 (ba) tháng một lần, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải 6 (sáu) tháng một lần. Phòng thí nghiệm của cơ quan phân tích phải được công nhận đạt chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn hiện hành. Các chỉ tiêu phân tích được thể hiện trong đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến số lượng, chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về số lượng, chất lượng nguồn nước, sụt lún đất, nghiêng lệch, rạn nứt nhà cửa và các hiện tượng bất thường khác phải báo cáo ngay cho các cấp quản lý chuyên môn để trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý.

5. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc trường hợp phải xin phép thực hiện công tác báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường một năm một lần. Nội dung báo cáo bao gồm:

a) Các biểu số liệu quan trắc về mực nước thực đo, mực nước lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình tháng và chênh lệch mực nước so với cùng kỳ năm trước của từng công trình, từng giếng; biểu đồ diễn biến mực nước trong năm.

b) Các biểu số liệu về lưu lượng khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất của từng công trình, từng giếng trong từng tháng và cả năm; biểu đồ diễn biến lưu lượng khai thác của từng giếng khoan khai thác và cả công trình;

c) Các biểu số liệu kết quả phân tích chất lượng nước; biểu diễn chất lượng nước so với cùng kỳ năm trước ở từng giếng khoan khai thác và cả công trình;

d) Đánh giá chung hiện trạng, diễn biến mực nước, chất lượng nước và lượng nước khai thác trong kỳ báo cáo và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

6. Tổ chức, cá nhân xả nước thải vào nguồn nước thuộc trường hợp phải xin phép thực hiện chế độ báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường một năm một lần gồm các nội dung sau:

a) Số liệu về lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước định kỳ.

b) Kết quả phân tích chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước tiếp nhận nước thải.

c) Đánh giá chung hiện trạng, diễn biến chất lượng nước trong kỳ báo cáo và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

#### **Điều 20. Công tác trám lấp giếng**

Việc trám lấp giếng phải tuân thủ Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng và Chỉ thị số 08/2006/CT-UBND ngày 20/02/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện quy định về cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

### **Chương V**

## **CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

#### **Điều 21. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ hàng năm và đột xuất, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, đăng ký hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành và trên địa bàn quản lý cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành và trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý hoạt động tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và có trách nhiệm tổng hợp các báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

#### **Điều 22. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương VI**

## **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 23. Khen thưởng**

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước;

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 24. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trái phép, không có giấy phép của cấp có thẩm quyền trong trường hợp phải xin phép; tổ chức, cá nhân có hành vi gây suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước; tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở việc bảo vệ tài nguyên nước, cản trở hoạt động tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc kiểm tra, thanh tra tài nguyên nước hoặc các vi phạm khác của pháp luật và Quy định này thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 25.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Áo Văn Thịnh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

.....ngày.....tháng.....năm.....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ**  
**KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC,**  
**XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.....

**1. Tên Hộ** ..... (đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước):

.....

Địa chỉ liên hệ.....

.....

Điện thoại:.....

Địa chỉ khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

+ Giếng (khoan, đào):.....

+ Nước mặt:.....

+ Xả nước thải vào nguồn nước:.....

Điện thoại:.....

**2. Hiện trạng cấp nước trong khu vực** (có nước máy cung cấp chưa; đơn vị nào cung cấp; tình trạng như thế nào):.....

.....

Lý do đề nghị khai thác và tổng lưu lượng khai thác:.....

.....

**3. Nội dung đăng ký:**

a. Tổng số giếng khoan, giếng đào:.....Trong đó: giếng đào.....cái; giếng khoan:.....cái.

- Chiều sâu:.....mét; mực nước mùa khô:.....mét; mùa mưa:.....mét.

- Loại máy bơm (ly tâm, hỏa tiễn):.....; công suất:.....mã lực.

- Chế độ khai thác:.....(giờ/ngày đêm)

- Chất lượng nước:.....
- Tổng lưu lượng khai thác:.....m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó:
  - + Phục vụ sinh hoạt.....m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - + Phục vụ tưới cây.....m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - + Phục vụ chăn nuôi.....m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- b. Nước mặt (tên địa danh sông, suối, ao, hồ, kênh, rạch):.....
- Tổng lưu lượng khai thác:.....m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó:
  - + Phục vụ sinh hoạt.....m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - + Phục vụ tưới cây.....m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - + Phục vụ chăn nuôi.....m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Loại máy bơm (ly tâm, hóa tiến):.....; công suất:.....mã lực.
- Chế độ khai thác:.....(giờ/ngày đêm)
- c. Xả nước thải vào nguồn nước:
  - Tổng lưu lượng xả:.....m<sup>3</sup>/ngày đêm.
  - Nguồn tiếp nhận nước thải (tên sông, suối, ao, hồ, kênh, rạch):.....
  - .....
  - Chế độ xả thải:.....(giờ/ngày đêm).

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về khai thác, sử dụng hợp lý, bảo vệ nguồn nước và môi trường, thực hiện đầy đủ các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn

Chủ hộ..... đăng ký  
(ký ghi rõ họ tên)

UBND (huyện, thị xã, thành phố):.....

Chứng nhận Hộ :.....

Đã đăng ký công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước số ...../.....ngày .....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH UBND .....

**ĐOÀN KIỂM TRA LIÊN NGÀNH  
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ .../QĐ-TNMT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng... năm 200...

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra về tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước  
của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm .....**  
(Kiểm tra sau giấy phép)

Theo Quyết định số .../QĐ-TNMT ngày .../.../200... của Sở Tài nguyên và  
Môi trường về việc thành lập Đoàn kiểm tra về tài nguyên nước năm .....

Hôm nay vào lúc .....ngày .....tháng ... năm 200...; Tại .....

.....

Chúng tôi gồm có:

1/ Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai:

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

2/ Đại diện ..... (các Sở, Ban, ngành liên quan).

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

3/ Đại diện UBND và Phòng Tài nguyên và Môi trường .....

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

4/ Đại diện .....

Ông (Bà):.....

5/ Đại diện Đơn vị được kiểm tra: .....

Ông (Bà):.....: Sinh Năm:.....

CMND số:.....: Ngày cấp: .....: Nơi cấp:.....

Nghề nghiệp và chức vụ:.....

Hộ khẩu thường trú.....

Điện thoại:.....

Và các Ông (Bà):

Ông (Bà):.....

Ông (Bà):.....

**I. Nội dung làm việc:**

1. Ông ..... Trưởng đoàn kiểm tra công bố quyết định thành lập đoàn kiểm tra, giới thiệu thành phần đoàn, phổ biến nội dung và phương pháp tiến hành kiểm tra.

2. Thông tin chung:

- Tên doanh nghiệp: .....

.....

- Địa chỉ liên hệ: .....

.....

- Giấy phép đầu tư: .....

.....

- Lĩnh vực hoạt động: .....

.....

- Số lượng CBCNV: .....

3. Hiện trạng khai thác nước dưới đất của doanh nghiệp và tình hình thực hiện các quy định về tài nguyên nước và các quy định trong giấy phép:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Hiện trạng việc xả thải của doanh nghiệp và tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Ý kiến của các thành viên dự họp:

.....

.....

.....  
.....  
.....  
.....

**II. Nhận xét:**

.....  
.....  
.....  
.....

**III/ Kết luận:**

.....  
.....  
.....  
.....

Biên bản kết thúc vào lúc.....cùng ngày đã được các thành viên tham dự thống nhất thông qua và ký tên. Biên bản được lập thành.....bản có nội dung như nhau, mỗi thành viên giữ một bản.

ĐD..... ĐD.....

ĐD..... ĐD.....

ĐD..... ĐD.....